

Bản án số: **42/2024/DS - ST**

Ngày: 06/5/2024

V/v **“tranh chấp hợp đồng vay tài sản”**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CÁI RĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Thái Mỹ Nhung**

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Thanh Tùng.

2/ Bà Lê Thị Tuyết Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nhâm Thị Thanh Trang, Thư ký Tòa án nhân dân quận Cái Răng.**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cái Răng tham gia phiên tòa: Ông **Tô Minh Phú – Kiểm sát viên.**

Ngày 06 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cái Răng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2024/TLST-DS ngày 24 tháng 01 năm 2024. Về **“tranh chấp hợp đồng vay tài sản”**. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2024/QĐST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2023. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Bùi Văn T**, sinh năm 1977.

Địa chỉ thường trú: Số 72/11, Khu vực T B, Phường T A Đ, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ.

Địa chỉ liên hệ: 67B/8, Khu vực 1, Phường T A, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ.

Đại diện ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1968.

Địa chỉ thường trú: Số 128 M T, Phường A P, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ. (Giấy uỷ quyền ngày 13/12/2023, BL 15-16). Có mặt.

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1986

Địa chỉ: N8-2, Chung cư T N P, Khu vực T L, Phường P T, Quận Cái Răng, TP. Cần Thơ. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 10/10/2023 và bản tự khai nguyên đơn Bùi Văn T trình bày:

Trước đây do mối quan hệ quen biết nên ngày 19/01/2023 nguyên đơn cho bà Nguyễn Thị N vay 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), có ký Hợp đồng vay tài sản cùng ngày công chứng số 81, quyền số 01/2023 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Đỗ Thị Hà. Theo Hợp đồng vay tài sản ngày 19/01/2023 thì các bên có thỏa thuận thời hạn vay là 01 tháng và lãi suất theo qui định của pháp luật. Sau khi thanh toán xong, bà Nga tiếp tục hỏi vay thêm 420.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi triệu đồng) với thỏa thuận về lãi suất như trên. Do tin tưởng nên tôi đã chuyển khoản 03 lần thông qua Ngân hàng Vietcombank cho bà vay thêm 420.000.000 đồng.

Tuy nhiên, đến hạn trả lãi hàng tháng và trả nợ gốc thì phía bị đơn chỉ thanh toán được 20.000.000 đồng tiền gốc, phần nợ gốc còn lại và lãi suất thì không thực hiện nghĩa vụ theo cam kết. Mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần liên hệ yêu cầu trả nợ nhưng không có kết quả. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn số nợ gốc là 400.000.000 đồng, tiền lãi 1%/tháng tính từ ngày 01/4/2023 đến 30/12/2023 là 36.000.000 đồng và yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả lãi cho đến khi trả xong nợ (BL 45-46).

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần bà Nguyễn Thị N đến tham gia phiên họp về việc kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cụ thể vào các ngày 19/02/2024 và ngày 12/3/2024 nhưng bà Nguyễn Thị N vẫn vắng mặt mà không có lý do (BL 37, 44). Vì vậy, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và được đưa ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn nợ gốc là 400.000.000 đồng và tiền lãi theo qui định của pháp luật tính từ ngày 01/4/2023 cho đến ngày xét xử; Yêu cầu tính lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trong giai đoạn thi hành án.

Bị đơn Nguyễn Thị N vẫn tiếp tục vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cái Răng phát biểu quan điểm:

- **Về việc tuân theo pháp luật tố tụng** của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: là phù hợp quy định pháp luật, không phát hiện vi phạm.

- **Về việc giải quyết vụ án:** Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án xác định yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nội dung cụ thể được trình bày tại Bài phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa (kèm theo hồ sơ).

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của đại diện nguyên đơn và đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Việc vay mượn tiền giữa các đương sự theo Hợp đồng vay tài sản ngày 19/01/2023 bản gốc (BL 12-13) đã thực hiện xong. Những lần vay mượn tiền sau tuy không lập bằng văn bản nhưng căn cứ Sao kê tài khoản ngày 12/12/2023 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, chi nhánh Tây Càn Thơ thể hiện bị đơn có mượn của nguyên đơn tổng số tiền 420.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi triệu đồng) nên xem đây là hợp đồng vay tài sản. Bên vay có nghĩa vụ phải trả cho bên cho vay tài sản theo thoả thuận. Giữa hai bên không thực hiện đúng thoả thuận nên xảy ra tranh chấp. Xét đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản được ngành luật dân sự điều chỉnh và thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án khi các đương sự có yêu cầu theo qui định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn Nguyễn Thị N đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa, nhưng bà Nga vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, căn cứ Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nguyên đơn đã yêu cầu Tòa án tiến hành thông báo nhắc tin tìm kiếm trên các phương tiện thông tin đại chúng và Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần bà Nguyễn Thị N đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bà Nga vẫn vắng mặt mà không có lý do. Do đó, theo Điều 91, Điều 93 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ những chứng cứ đã thu thập, có trong hồ sơ để xem xét giải quyết vụ án.

[4] *Về số nợ gốc,* trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng bị đơn luôn vắng mặt. Song căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, cụ thể là Sao kê tài khoản ngày 12/12/2023 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, chi nhánh Tây Càn Thơ bản gốc (BL 58-60) do phía nguyên đơn cung cấp có xác nhận của phía Ngân hàng thì bị đơn đã 03 lần nhận tổng cộng 420.000.000 đồng của nguyên đơn, cụ thể như sau:

- Ngày 24/02/2023 nhận chuyển khoản 250.000.000 đồng.
- Ngày 10/3/2023 nhận chuyển khoản 70.000.000 đồng.
- Ngày 18/3/2023 nhận chuyển khoản 100.000.000 đồng.

Đại diện nguyên đơn xác định bị đơn đã thanh toán được 20.000.000 đồng. Cho nên đủ cơ sở kết luận bà Nguyễn Thị N có vay và nợ nguyên đơn số tiền như trên. Phía bị đơn đã được hưởng quyền sở hữu tài sản vay đầy đủ nhưng lại không chịu thực hiện nghĩa vụ trả nợ, cố tình kéo dài thời gian. Nên yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận buộc bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền 420.000.000 đồng – 20.000.000 đồng = **400.000.000 đồng** (Bốn trăm triệu đồng) cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] *Về lãi suất:* nguyên đơn cho rằng hai bên có thoả thuận lãi suất và yêu cầu bị đơn trả lãi suất theo thoả thuận 1%/tháng tính từ ngày 01/4/2023. Nhưng

việc vay mượn bằng hình thức chuyển khoản thông qua Ngân hàng không có Hợp đồng, chỉ thể hiện được số tiền vay thông qua các lần chuyển khoản, riêng thời hạn vay và lãi suất không xác định cụ thể được. Nên xem đây là trường hợp vay **không kỳ hạn** và có lãi theo Điều 463, 469 của Bộ luật dân sự. Trường hợp không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự thì mức lãi suất theo qui định là 50%(20%/năm) tức **0,83%/tháng**.

Căn cứ theo khoản 2 Điều 357, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự và Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 thì bên cho vay có quyền yêu cầu bên vay trả các khoản lãi bao gồm: Lãi trên nợ gốc trong hạn (không có), lãi trên nợ lãi trong hạn (không có) và Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn. Lần chuyển khoản sau cùng là ngày 18/3/2023. Như vậy nghĩa vụ thanh toán lãi của bị đơn được xác định từ ngày 18/3/2023 nhưng nguyên đơn chỉ yêu cầu tính từ ngày 01/4/2023 là có lợi cho bị đơn nên yêu cầu về lãi của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Từ ngày 01/4/2023 đến ngày xét xử 06/5/2024 là **13 tháng 05 ngày**. Nên tiền Lãi trên nợ gốc quá hạn là: 400.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 150% x 13 tháng 05 ngày = **65.570.000 đồng** (Sáu mươi lăm triệu, năm trăm bảy mươi nghìn đồng).

[6] Tổng số tiền nợ gốc và lãi mà bị đơn Nguyễn Thị N có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Bùi Văn T tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 400.000.000 đồng + 65.570.000 đồng = **465.570.000 đồng** (Bốn trăm sáu mươi lăm triệu, năm trăm bảy mươi nghìn đồng).

Thời hạn và phương thức trả nợ thuộc thẩm quyền của Chi cục thi hành án dân sự quận Cái Răng nên Hội đồng xét xử không điều chỉnh. Tuy nhiên, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[7] Về chi phí thông báo nhắc tin tìm kiếm trên phương tiện thông tin đại chúng (theo Hóa đơn GTGT số 60 ngày 23/02/2024 và số 32 ngày 27/02/2024): Số tiền là 900.000 đồng + 1.944.000 đồng = 2.844.000 đồng (Hai triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) do nguyên đơn đã tạm ứng nên bị đơn Nguyễn Thị N có nghĩa vụ hoàn lại cho nguyên đơn trong giai đoạn thi hành án.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp và bị đơn Nguyễn Thị N phải chịu toàn bộ án phí là 20.000.000 đồng + 4%(465.570.000 đồng – 400.000.000 đồng) = 22.622.800 đồng (Hai mươi hai triệu, sáu trăm hai mươi hai nghìn, tám trăm đồng).

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 26, 35, 39, 147, 207, **227**, 228, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự .
- Điều 463, 466, 468, 469 và Điều 357 Bộ luật dân sự.

- Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.
- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi nợ vay của ông **Bùi Văn T.** Buộc bà **Nguyễn Thị N** có nghĩa vụ trả cho ông Bùi Văn T số nợ gốc 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) và nợ lãi 65.570.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu, năm trăm bảy mươi nghìn đồng), tổng cộng là **465.570.000 đồng** (Bốn trăm sáu mươi lăm triệu, năm trăm bảy mươi nghìn đồng) khi án có hiệu lực.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Về chi phí thông báo nhắc tin tìm kiếm trên phương tiện thông tin đại chúng: Bị đơn Nguyễn Thị N có nghĩa vụ hoàn lại số tiền 2.844.000 đồng (Hai triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) cho nguyên đơn Bùi Văn T trong giai đoạn thi hành án.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn **Nguyễn Thị N** phải chịu án phí có giá ngạch số tiền là **22.622.800 đồng** (Hai mươi hai triệu, sáu trăm hai mươi hai nghìn, tám trăm đồng).

- Nguyên đơn **Bùi Văn T** được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp **10.720.000 đồng** (Mười triệu, bảy trăm hai mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003211 ngày 22 tháng 01 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Cái Răng.

4/ Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo và kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở UBND phường nơi cư trú hoặc từ khi nhận được bản án bà **Nguyễn Thị N** được quyền kháng cáo để xin Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ.
- VKSND Q.Cái Răng.
- Cơ quan Thi hành án.
- Người TGTT.
- Lưu HS – BA.

Thái Mỹ Nhung

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Mỹ Nhung

